

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 09 - 5 - 2022

V/v tranh chấp “không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN VIỆT XUÂN**

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông CÀM VĂN NAM

2. Ông HOÀNG XUÂN TỰ

- Th□ ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bắc** - Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố B tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST - HNGĐ ngày 13/1/2021 V/v “*không công nhận là vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX - ST ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Thôn A, xã L, TP.B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Ngọc Đ**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số H, đường Đ, xã L, TP.B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thị L và ông Trần Ngọc Đ có làm đám cưới tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987 tại xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, từ đó đến nay hai người chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống với nhau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, thiếu niềm tin và sự tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể nào khắc phục được. Nay không thể chung sống với nhau được nữa bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà L và ông Đ là vợ chồng.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên là: Trần Tấn Đ, sinh ngày 04/11/1988; Trần Hữu N, sinh ngày 15/10/1992. Hiện nay 2 con chung của bà L và ông Đ đã trưởng thành trên 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung* cả hai người khai không có: Bà L và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn ông Đ thì khai rằng: Ông Đ và bà L chung sống với nhau như bà L trình bày trên là đúng. Trong quá trình chung sống do hai người bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được; quan hệ con cái, tài sản như bà L trình bày trên là đúng. Nay bà L đề nghị tòa án tuyên bố không công nhận ông Đ và bà L là vợ chồng thì ông Đ đồng ý. Ngoài ra ông Đ không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để xét xử vụ án nhưng bà L và ông Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 227 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định của pháp luật.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Ngọc Đ chung sống với nhau từ năm 1987 đến nay tại xã L, thành phố B và đã sinh được 02 con chung mà vẫn không chịu làm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là “ không công nhận là vợ chồng” được quy định tại điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 những tranh chấp về hôn nhân, Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát thành phố B phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của hội đồng xét xử; xác định mối quan hệ tranh chấp đều đúng pháp luật. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin tuyên bố không công nhận là vợ chồng của bà Nguyễn Thị L với ông Trần Ngọc Đ. Các con chung của bà L và ông Đ đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xét.

[3]. Xét thấy: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Ngọc Đ có làm đám cưới, có xác nhận làm lễ hôn phối của nhà thờ Công Giáo T. Sau đó hai người chung sống với nhau từ năm 1987 cho đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình đôi bên không hợp nhau, hai người bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Hiện tại hai người đã sống ly thân, mạnh ai người đó sống. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm qua không thể khắc phục được. Xét tình cảm giữa bà L và ông Đ là không còn và rất trầm trọng. Bà L và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng trong 34 năm mà không tuân thủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn, UBND xã L xác nhận từ năm 1986 cho đến nay bà L và ông Đ hai người chưa đăng ký kết hôn và hai người chưa đăng ký kết hôn với ai khác. Do đó căn cứ điều 14, 57 luật HNGĐ xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Trần Ngọc Đ là vợ chồng là có cơ sở và đúng pháp luật.

-Về con chung: Bà L và ông Đ có 02 con chung là Trần Tấn Đ, sinh ngày 04/11/1988; Trần Hữu N, sinh ngày 15/10/1992. Hiện nay 2 con chung của bà L và ông Đ đã trưởng thành trên 18 tuổi. Nay bà L và ông Đ không yêu cầu án giải quyết. Do đó Tòa không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa cũng không xem xét.

- *Về án phí:* Bà L phải chịu 300.000đ án phí DSST theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ nêu trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 14, 57 luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điều 28, 147 k4, 227 k1, 273 k1 Bộ luật Tố tụng Dân Sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội qui định về án phí dân sự.

1/ Xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà **Nguyễn Thị L** và ông **Trần Ngọc Đ** là vợ chồng.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ tại biên lai số 0004784 ngày 13/01/2022 của chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Bà L đã nộp đủ án phí.

3/ Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND xã, phường nơi người đó cư trú theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp.B;
- THA Tp.B;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Xuân

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS Tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Bảo Lộc;
- THA TP. Bảo Lộc;
- UBND phường 2;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Xuân

